

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM

BÙI VĂN TRỊNH^{1*}, PHẠM MINH TRÍ²
TRẦN VĨNH TƯỜNG³, HỒ NGỌC TIẾN⁴

Tóm tắt

Nâng cao hiệu quả đào tạo sau đại học là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển của các trường có đào tạo sau đại học, với kỳ vọng cung cấp cho xã hội nguồn lực có năng lực với phẩm chất tốt, đủ sức đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, từng bước khẳng định thương hiệu và uy tín đào tạo sau đại học. Để đạt được kỳ vọng đó, bài viết đề xuất năm giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo sau đại học: Xây dựng chiến lược đào tạo rõ ràng và gắn với nhu cầu xã hội; Tạo môi trường nghiên cứu tốt nhất cho học viên; Hỗ trợ học viên tiếp cận môi trường nghiên cứu; Tạo động lực nghiên cứu cho học viên; Thiết lập và duy trì mối liên kết với các bên liên quan. Các giải pháp đề xuất là những gợi mở để Trường có xu hướng điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo sau đại học.

Từ khóa: Đào tạo sau đại học, động lực nghiên cứu, hiệu quả đào tạo

Abstract:

Improving the efficiency of postgraduate training is one of the top priority tasks in the process of schools building development strategies with postgraduate training, with the expectation of providing society a source of resources with good qualities, capable of meeting the needs of stakeholders, step by step affirming the brand and reputation of postgraduate training. With those expectations, this article proposes five solutions to improve the result of postgraduate training such as developing a clear training strategy associated with social needs; creating the best research environment for students; supporting students to access the research environment; motivating students to study; establishing and maintaining linkages with stakeholders. The proposed solutions are suggestions for schools that tend to adjust and improve training programs, meet stakeholders' requirements, and contribute to improving the result of postgraduate training.

Keywords: Postgraduate training, Research motivation, Efficiency of training

^{1,3} Trường Đại học Cửu Long

^{2,4} Trường Đại học Cửu Long

* Người chịu trách nhiệm về bài viết: Bùi Văn Trinh

1. Giới thiệu

Trong các năm qua, với nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nước, đào tạo sau đại học (SDH) đã khẳng định vị trí quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Các cơ sở đào tạo có nhiều nỗ lực đưa hoạt động đào tạo SDH vào nề nếp, tổ chức quản lý đào tạo ngày càng chặt chẽ, từng bước nâng cao chất lượng và đã đạt được những thành tựu đáng kể (Trần Thị Bích Trà, 2007). Các khoa chuyên ngành đã nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu quả đào tạo SDH với nâng cao uy tín và thương hiệu của trường. Thêm vào đó, việc kết hợp giữa đào tạo SDH với nghiên cứu khoa học có sự quan tâm hơn, các đề tài nghiên cứu của học viên phản ánh tính cấp thiết cần giải quyết của quốc gia, địa phương. Hợp tác quốc tế trong đào tạo SDH có bước đầu phát triển và tạo sự chuyển biến về chất lượng (Đỗ Minh Đức và Đỗ Thanh Hoàng, 2017).

Bên cạnh những ưu điểm, công tác đào tạo SDH còn có một số vấn đề cần quan tâm như: Việc xây dựng chương trình khung đào tạo theo yêu cầu của quy chế đào tạo SDH chưa được hoàn thiện; Quản lý quá trình học tập và nghiên cứu khoa học của các học viên/nghiên cứu sinh (NCS) có lúc chưa đúng quy định của quy chế; mối quan hệ giữa cán bộ hướng dẫn với học viên/nghiên cứu sinh chưa thật chặt chẽ; người học chưa chủ động trong quá trình học tập và nghiên cứu; Vai trò của bộ môn chuyên ngành trong quản lý công tác chuyên môn của quá trình đào tạo chưa cao... (Đỗ Minh Đức và Đỗ Thanh Hoàng, 2017). Chính vì vậy, đòi hỏi hiện nay là cần phải xây dựng cho được tư duy chuẩn xác hơn về công tác đào tạo SDH. Nhà trường cần xác định lấy đào tạo SDH là định hướng phát triển chiến lược và chủ đạo, nỗ lực hoàn thiện nhiều tiêu chí, đáp ứng những yêu cầu bức thiết của đời

sống xã hội. Nên lưu ý rằng, đào tạo SDH là hoạt động đòi hỏi tính sáng tạo của người học và tính chủ động của người dạy trong việc thích ứng với sự khám phá nghiên cứu khác biệt của học viên (Hoàng Văn Cường, 2011). Để đạt được phương châm đó, cùng với sự gia tăng về quy mô, vấn đề nâng cao hiệu quả đào tạo SDH đang trở thành vấn đề được quan tâm đặc biệt từ phía nhà quản lý, cán bộ giảng dạy và người học.

Chủ đề nghiên cứu về nâng cao chất lượng đào tạo SDH đã được rất nhiều nhà nghiên cứu trong nước quan tâm như: Đỗ Đức Minh và Đỗ Thanh Hoàng (2017) nghiên cứu “Đào tạo SDH ở Việt Nam hiện nay”; Hoàng Văn Cường (2011) nghiên cứu “Nâng cao chất lượng đào tạo SDH”; Nguyễn Thiện Phúc (2012) nghiên cứu “Vài vấn đề về đào tạo SDH ở nước ta”... Phần lớn các tác giả tập trung phân tích những mặt hạn chế, đưa ra một số nhận xét hay đề xuất phương hướng, giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học. Các nhà nghiên cứu quan tâm đến chất lượng đào tạo với các quan điểm khác nhau, chưa phân tích liên kết đến tính hiệu quả của đào tạo SDH.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, việc tìm kiếm một giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo SDH là rất cần thiết. Trong phạm vi của bài viết, nhóm tác giả chủ yếu tập trung vào việc làm rõ thêm một số hạn chế, tồn tại đào tạo SDH, phân tích mối quan hệ giữa chất lượng đào tạo với hiệu quả đào tạo SDH, đồng thời đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo SDH trong bối cảnh hiện nay.

2. Quan điểm về hiệu quả đào tạo sau đại học

Hiệu quả đào tạo SDH là kết quả của quá trình đào tạo tại trường có đào tạo SDH, dựa trên mối quan hệ giữa việc đầu tư về mọi mặt

và ảnh hưởng, tác dụng thực tế của đào tạo. Hiệu quả đào tạo SDH bao gồm cả hiệu quả bên trong và bên ngoài.

Hiệu quả bên trong là hiệu quả được đánh giá trong phạm vi của cơ sở đào tạo. Xét đánh giá ở khía cạnh học viên/NCS, hiệu quả được biểu hiện trong kết quả học tập và sự biến đổi về nhân cách của người học. Xét đánh giá ở khía cạnh cơ sở đào tạo, hiệu quả trong biểu hiện rõ nhất là chất lượng đào tạo.

Hiệu quả bên ngoài được đánh giá từ phía xã hội đối với cơ sở đào tạo, ngay cả đối với học viên/NCS. Hiệu quả bên ngoài được đánh giá dựa trên các tiêu chí về hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội (Vũ Trọng Rỹ, 2020).

Hiệu quả kinh tế được đo lường thông qua hai đại lượng là chi phí cho đào tạo và số đo sự gia tăng giá trị sản phẩm xã hội do đào tạo mang lại. Ngày nay, việc đo lường hiệu quả kinh tế của đào tạo có thể đo lường theo phương pháp dựa vào giá trị đóng góp của “vốn người” vào sự tăng trưởng tổng sản phẩm quốc dân ở một cộng đồng, một quốc gia. Đào tạo giữ vai trò quan trọng trong việc tạo nên “vốn người”. Đối với người học, hiệu quả kinh tế có thể biểu hiện ở tiền lương hoặc tiền công mà người lao động được hưởng trong quá trình lao động sau khi được đào tạo.

Hiệu quả xã hội của đào tạo rất khó để đo lường, chỉ có thể nhận thấy sản phẩm được tạo ra có mức ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến đời sống xã hội, thể chế chính trị, biểu hiện cụ thể là sự tác động đến cộng đồng, địa phương, sự đóng góp kinh nghiệm đào tạo cho ngành... Hiệu quả xã hội của người học có thể biểu hiện ở mức độ tác động của người học đối với xã hội với tư cách là một công dân, một thành viên hoặc chủ gia đình, biểu hiện ở sự thành đạt trong nghề nghiệp và trong cuộc sống...

3. Mối quan hệ giữa hiệu quả và chất lượng đào tạo sau đại học

Hoạt động đào tạo SDH không phải là quá trình truyền tải kiến thức đến người học mà là quá trình tương tác để người học tích lũy kiến thức chuyên sâu để trở thành người làm chủ quá trình chuyên môn và cao hơn là nghiên cứu thay đổi thực tại. Để đạt được mục tiêu đó, hoạt động đào tạo SDH phải luôn nắm bắt được sự thay đổi của nhu cầu thị trường, bám sát nhu cầu của cá nhân người học, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu và đào tạo, giữa quản lý và chuyên môn (Hoàng Văn Cường, 2013). Việc cải thiện chất lượng giáo dục thường dựa trên 5 thành tố quan trọng như: đặc điểm của người học; hoàn cảnh xã hội; những đầu vào cần phải có; quá trình dạy và học; kết quả đào tạo (Vũ Trọng Rỹ, 2020). Khi đề cập đến chất lượng đào tạo SDH, có nhiều quan điểm khác nhau, thường được hiểu theo hướng tạo ra sản phẩm xuất sắc của cá nhân. Xét theo một hướng khác, tiên tiến hơn, chất lượng được xem xét ở khía cạnh phải phù hợp với nhu cầu, các sản phẩm và dịch vụ có sự giao thoa với các đặc tính đã định, sự quan tâm đến giá trị về chất lượng. Ngoài ra, chất lượng đào tạo còn thể hiện ở khía cạnh phù hợp với mục đích của khách hàng, khi đó chất lượng được đo lường dựa trên mức độ của sự thỏa mãn, hài lòng của người sử dụng dịch vụ. Một đòi hỏi quan trọng là chất lượng đào tạo phải gắn liền với mở rộng cơ hội học tập cho mọi người. Để đánh giá chất lượng đào tạo phải có quan điểm rõ ràng, đầy đủ về chất lượng đào tạo và xác định được các tiêu chí đánh giá cụ thể. Mục đích cuối cùng của việc đánh giá chất lượng đào tạo là để tìm ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao hiệu quả đào tạo. Các tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo phải có sự phù hợp với mục tiêu đào tạo. Khi đánh giá chất lượng đào tạo là phải đánh giá

toàn bộ chất lượng của các yếu tố tác động đến quá trình đào tạo SDH (Vũ Trọng Rỹ, 2020).

Chất lượng và hiệu quả là hai phạm trù liên quan mật thiết với nhau, trong đó hiệu quả là biểu hiện quan trọng nhất của chất lượng. Dù xem xét ở cấp độ vi mô hay vĩ mô, khi nói đến đào tạo của một trường có hiệu quả thì đương nhiên đào tạo của trường đó phải có chất lượng. Có chất lượng mới có hiệu quả, nhưng không phải mọi chất lượng đều dẫn đến hiệu quả. Hiệu quả là sự phản ánh chất lượng. Không thể nói việc đào tạo có chất lượng mà lại là đào tạo kém hiệu quả, và cũng không thể nói đào tạo có hiệu quả cao lại là có chất lượng thấp trong đào tạo. Do đó, khi đánh giá chất lượng đào tạo SDH, dù ở cấp độ nào, cũng phải tính đến hiệu quả của nó. Các loại hiệu quả sẽ là những tiêu chí để đánh giá chất lượng đào tạo (Vũ Trọng Rỹ, 2020).

4. Thực trạng công tác đào tạo sau đại học ở Việt Nam hiện nay

4.1. Những thành tựu cơ bản đã đạt được

Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một bước đột phá trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng được đội ngũ trí thức vững mạnh sẽ là thành tựu cơ bản của đào tạo SDH trong thời gian qua, góp phần vào việc tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ khoa học (Đỗ Đức Minh và Đỗ Thanh Hoàng, 2017). Đào tạo SDH đã giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên ngành, hình thành năng lực tư duy, khả năng nghiên cứu độc lập, phát hiện và giải quyết những vấn đề thực tiễn. Công tác xây dựng kế hoạch đào tạo luôn hướng tới mục tiêu đào tạo đã được xác định, bám sát những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết hợp với những điều kiện cụ thể của trường và tổ chức thực hiện nghiêm túc, với ý thức trách nhiệm cao

của các thành phần tham gia vào quản lý đào tạo SDH (Trần Thị Bích Trà, 2007).

Chất lượng đào tạo từng bước được cải thiện, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của xã hội (Đỗ Đức Minh và Đỗ Thanh Hoàng, 2017). Chính nhờ sự gắn kết xây dựng chương trình với tổ chức đào tạo, thường xuyên thay đổi cho phù hợp với đối tượng người học và sự phát triển của thị trường nên kết quả luôn sát mục tiêu đề ra. Chính vì vậy, chương trình đào tạo SDH của các trường có tính linh hoạt cao, tiếp cận nhanh đến những thay đổi và các vấn đề đặt ra trong thực tế. Bên cạnh đó, các trường đào tạo SDH là nơi trực tiếp tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với các đề tài nghiên cứu khoa học. Thông qua đó, học viên có môi trường học tập thuận lợi để rèn luyện thực hành nghiên cứu, gắn hoạt động nghiên cứu với quá trình đào tạo, có điều kiện và cơ hội để chia sẻ, trao đổi về các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành. Mặt khác, với sự tham gia của người học, các hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường được phát triển mạnh mẽ và lan tỏa (Hoàng Văn Cường, 2013).

Việc tổ chức đào tạo và giảng dạy luôn được thực hiện theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ khâu tuyển sinh đến quá trình học tập và bảo vệ đề tài tốt nghiệp. Toàn bộ quy trình đào tạo được quy định cụ thể và công khai cho người học. Các biện pháp tăng cường kiểm tra quản lý người học đã được triển khai có hiệu quả. Các trường đã chủ động cập nhật, cải tiến nội dung chương trình đào tạo theo hướng mở, phù hợp với xu thế hiện nay. Đội ngũ các nhà khoa học được lựa chọn luôn có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để đảm nhiệm việc giảng dạy và hướng dẫn quá trình học tập các học phần nền tảng của chương trình đào tạo, có tinh thần trách nhiệm cao và cố gắng hướng tới việc lấy người học làm trung tâm. Công tác giám sát hoạt động

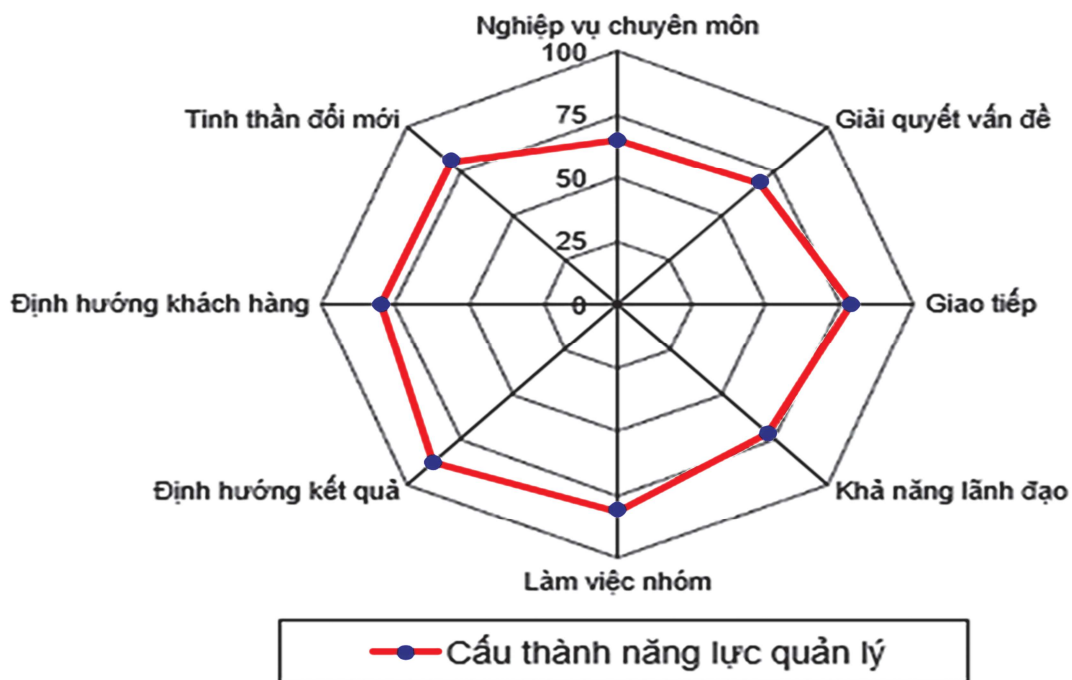
dạy của giảng viên và hoạt động học của người học luôn được quan tâm, đáp ứng những yêu cầu của quá trình đào tạo. Cơ sở vật chất hỗ trợ quá trình đào tạo bước đầu góp phần vào việc đổi mới phương pháp giảng dạy, tạo điều kiện để nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên và việc học tập của học viên. Nhờ vậy, chất lượng giảng dạy và học tập được nâng lên, có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của mục tiêu đào tạo, đáp ứng đúng nhu cầu đa dạng của từng người học (Hoàng Văn Cường, 2013; Trần Thị Bích Trà, 2007).

4.2. Những tồn tại trong công tác đào tạo sau đại học

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý đào tạo SDH tại các cơ sở còn tồn tại một số mặt hạn chế sau:

Trước hết, khi xét về nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo SDH, nhìn chung

vẫn còn nhiều hạn chế, cụ thể là việc hiện đại hóa, cập nhật chương trình đào tạo còn nhiều bất cập. Ở một số chuyên đề, nội dung tài liệu chưa cập nhật những thông tin mới. Một số học phần còn có phần lặp lại những kiến thức cơ bản ở bậc đại học, có khi rất ít tài liệu tham khảo phục vụ cho người học. Mặc dù, các cơ sở đào tạo thường xuyên quan tâm đến việc biên soạn, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, song nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được những đòi hỏi đặt ra trong giai đoạn hiện nay (Trần Thị Bích Trà, 2007; Đỗ Đức Minh và Đỗ Thanh Hoàng, 2017). Một số trường còn tập trung quá nhiều vào việc truyền đạt kiến thức chuyên sâu cho học viên, mà thiếu đi tính gắn kết với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu cải thiện năng lực của người học trong bối cảnh phải chạy theo sự đổi mới, sáng tạo trong ứng dụng công nghệ số vào hoạt động chuyên môn. Đặc biệt là đối với nhu cầu của các học viên đi theo hướng ứng dụng (Hình 1).



Hình 1: Cấu thành năng lực quản lý chuyên viên ngân hàng

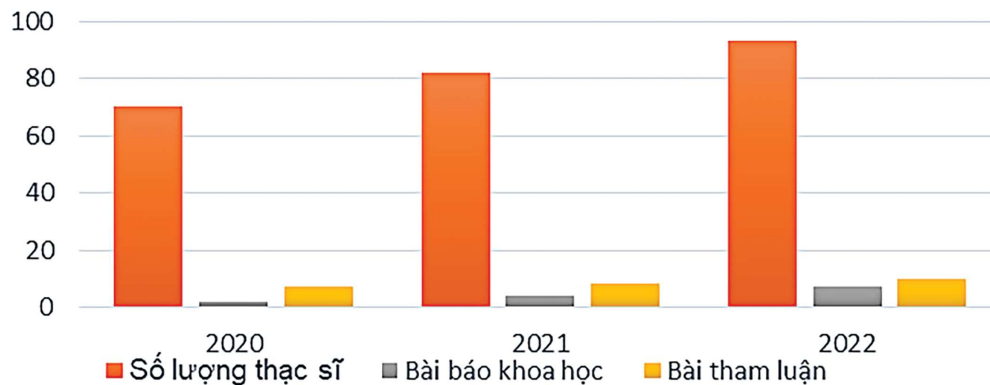
Nguồn: Lê Kim Long và Phạm Minh Trí (2012)

Hầu hết các cơ sở đào tạo tổ chức học tập cho người học theo hình thức không tập trung (phần lớn học vào các ngày nghỉ cuối tuần). Rất nhiều người học vẫn chưa có thói quen năng động trong việc tự học, tự nghiên cứu và chưa thật sự dành thời gian thích đáng cho nghiên cứu khoa học. Việc hướng dẫn người học tự học chưa sát sao, cũng như yêu cầu đảm bảo chất lượng chuyên môn đối với người học chưa đúng mức. Phương pháp giảng dạy hệ đào tạo SDH chưa được cải tiến nhiều, vẫn nặng về thuyết trình truyền đạt kiến thức, chưa chú ý dạy theo phương pháp nghiên cứu. Trong quá trình giảng dạy, thời gian lên lớp của giảng viên còn chiếm tỷ trọng lớn tại một số cơ sở đào tạo.

Bên cạnh đó, tính hiệu quả đào tạo SDH còn nhiều hạn chế, phát triển quy mô chưa gắn với chất lượng đào tạo. Quy mô đào tạo bậc thạc sĩ có một số cơ sở đào tạo đang bùng nổ về số lượng, song những điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng còn thiếu và yếu. Vẫn còn đó không ít những luận văn, luận án chỉ dừng ở mức vượt qua ngưỡng chấp nhận được hay ở mức trung bình. Nguyên nhân cơ bản của những công trình này chất lượng chưa cao là không có sự gắn kết với nghiên cứu khoa học. Một số luận văn, luận án còn quá đơn giản về thể loại đề tài, nghèo nàn về nội dung, thiếu sâu sắc về lý thuyết. Một số khác chỉ dừng ở mức minh họa rõ hơn các kết luận đã có trong các nghiên cứu trước của người hướng dẫn, thiếu hẳn tính sáng tạo – một yêu cầu rất lớn đối với luận án được thể hiện ở dạng “các điểm mới của luận án”. Ngoài ra, ý thức nghiên cứu học tập của nhiều người

học chưa cao, chưa thực sự cố gắng và cầu thị trong tìm tòi, nghiên cứu. Phần lớn học viên đang bận công tác nên việc đảm bảo cho thời gian trên lớp còn hạn chế, trong khi chưa nói đến tính nghiêm túc trong việc dành thời gian để tự nghiên cứu (Đặng Trung Thuận, 2005; Đỗ Đức Minh và Đỗ Thanh Hoàng, 2017; Trần Thị Bích Trà, 2007).

Một vấn đề cần thảo luận nữa là việc đánh giá chất lượng đào tạo SDH, một số tiêu chí quan trọng cần quan tâm như: Trình độ, năng lực và sự thành công của người học sau khi tốt nghiệp. Cho đến nay, trong nước vẫn chưa có một tổ chức độc lập nào ở Việt Nam đánh giá chất lượng đào tạo sau đại học về đầu ra – mức độ thành công và phát huy vai trò của các thạc sĩ, tiến sĩ sau khi tốt nghiệp. Xét ở khía cạnh cơ sở đào tạo thì có nhiều yếu tố có thể tác động trực tiếp đến chất lượng đào tạo SDH, cần xem xét như: chương trình đào tạo, tổ chức dạy và học, tổ chức nghiên cứu viết đề tài tốt nghiệp và các điều kiện môi trường nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất phục vụ học tập và nghiên cứu. Theo thống kê sơ bộ tại 06 Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tại ĐBSCL giai đoạn 2020 - 2022, số lượng các công trình khoa học còn quá ít so với tiềm năng của đội ngũ thạc sĩ hiện có, trung bình hàng năm chỉ được 03 bài báo khoa học và 8 bài viết tham luận tham gia hội thảo khoa học, trong khi mỗi năm có thêm trung bình khoảng 12 người được nâng cấp lên trình độ thạc sĩ (Hình 2). Điều này cho thấy vẫn còn nhiều học viên cao học tốt nghiệp chưa tích cực chuyển tải từ kết quả nghiên cứu thành các bài báo khoa học.



**Hình 2: Kết quả nghiên cứu khoa học (2020 – 2022)
của 06 Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tại ĐBSCL**

Nguồn: Kết quả thống kê của nhóm tác giả (2023)

Kết quả khảo sát phản ánh chân thật một điều là những người sau khi tốt nghiệp chưa hình thành được sự đam mê, khả năng độc lập nghiên cứu và có thể xem đây là hạn chế căn bản của đào tạo SĐH (Đỗ Đức Minh và Đỗ Thanh Hoàng, 2017).

Ngoài ra, sự gắn kết của các nhà nghiên cứu cùng nghiên cứu khoa học vẫn chưa cao, trước bối cảnh mà tính chất liên ngành, xuyên ngành được quán triệt không chỉ trong hoạt động kinh tế mà còn trong xã hội, đòi hỏi phải có sự hợp tác trên tinh thần làm việc theo nhóm, xây dựng nhóm làm việc, văn hóa làm việc nhóm. Sự hợp tác làm việc theo nhóm sẽ mang lại tín hiệu tích cực đạt được mục tiêu chung cao hơn so với theo đuổi mục tiêu của từng cá nhân, đồng thời được lũy tiến theo thời gian. Khi đó, thể mạnh của từng người sẽ được phát huy tối đa theo sự cộng hưởng lẫn nhau, bù đắp những điểm yếu (Trương Quang Học, 2008). Đặc biệt là tại một số trường chưa thành lập được các nhóm nghiên cứu theo từng chuyên ngành để hỗ trợ nhau trong quá trình học tập, nghiên cứu, cũng như tận dụng được kiến thức của cán bộ hướng dẫn trong quá trình tiến hành nghiên cứu đề tài tốt nghiệp.

5. Giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo sau đại học

Thứ nhất là, Xây dựng chiến lược đào tạo rõ ràng và gắn với nhu cầu xã hội

Xây dựng chiến lược đào tạo SĐH là nhiệm vụ quan trọng đối với các cơ sở đào tạo, đạt kỳ vọng nâng cao giá trị, thương hiệu đào tạo của trường, điểm mấu chốt để đạt được điều đó là cần phải xây dựng các chuẩn chất lượng. Các chuẩn này được xây dựng trên cơ sở hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu của thị trường lao động và chính sách sử dụng người lao động. Nền tảng của chuẩn chất lượng này chính là những yêu cầu cụ thể về lý thuyết, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, kỹ năng sống của người học được đòi hỏi từ thực hiện của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, sự phát triển của khoa học và công nghệ.

Chuẩn chất lượng giáo dục cần gắn với thị trường sức lao động trong xu thế toàn cầu hóa, định hướng rõ ràng, thực hiện toàn vẹn các khâu trong quá trình đào tạo, từ hoạch định chiến lược phát triển, xây dựng các quy định chính sách, xây dựng chương trình, đến trực tiếp tổ chức toàn bộ quá trình đào tạo (Vũ

Ngọc Hải, 2005). Chủ động xây dựng các học phần mới trong quá trình giảng dạy, đặc biệt là giảng viên cần biên soạn giáo trình, tài liệu chi tiết phục vụ cho việc tự nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, lấy học viên làm trung tâm, tăng cường các tình huống, kết hợp giữa truyền đạt với trao đổi và thảo luận, từng bước đổi mới phương pháp học tập của học viên theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển và giải quyết các vấn đề đặt ra. Khi đó, các trường cần lấy mục tiêu đào tạo năng lực là chủ yếu, chủ động đổi mới nội dung chương trình đào tạo gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại. Bởi vì, chất lượng đào tạo phải được thể hiện qua chính năng lực của người được đào tạo sau khi hoàn thành chương trình. Năng lực nào gồm các thành tố như: khối lượng, nội dung và trình độ kiến thức được đào tạo; năng lực ứng dụng và giải quyết vấn đề, khả năng nhận thức độc lập và năng lực tư duy...

Song song với việc xây dựng chiến lược, chuẩn chất lượng đào tạo SDH, các cơ sở đào tạo quan tâm hơn nữa đến việc đánh giá chương trình đào tạo, hiệu quả sau đào tạo được đánh giá cả bên trong và bên ngoài trường. Đánh giá chương trình đào tạo là biện pháp khả thi, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cơ sở quan trọng để điều chỉnh nội dung và phương pháp đào tạo (Vũ Ngọc Hải, 2005; Phan Thị Hồng Vinh, 2005).

Thứ hai là, Tạo môi trường nghiên cứu tốt nhất cho người học

Các cơ sở đào tạo hỗ trợ tốt hơn nữa cho việc nghiên cứu của học viên như: phòng nghiên cứu, truy cập tài liệu, thư viện, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt khoa học để chia sẻ những kinh nghiệm, học thuật mới..., đồng thời đẩy mạnh công tác nghiên cứu, các hoạt động chuyên đề, hội thảo, càng thu nhiều kết

quả thì có thêm nhiều động lực cho công tác đào tạo SDH, thu hút được sự quan tâm của các cơ quan, địa phương. Điểm mấu chốt quan trọng là lập ra một lộ trình phù hợp, đảm bảo cân đối tài chính và cơ sở vật chất phục vụ việc phát triển công tác đào tạo SDH từng bước trong hiện tại và tương lai. Trường cần nghiên cứu một cơ chế tài chính phù hợp để khuyến khích người học SDH tích cực trong học tập và nghiên cứu, áp dụng hình thức khen thưởng đối với học viên đạt kết quả cao trong học tập từng học kỳ, đặc biệt là có cơ chế phù hợp khuyến khích người học đăng ký tham gia đề tài khoa học cấp trường, tạo điều kiện cho học viên quen dần với việc công bố kết quả nghiên cứu đề tài trên các Tạp chí khoa học.

Song song đó, đội ngũ giảng viên của khoa nên thành lập nhóm nghiên cứu, làm đầu mối hỗ trợ học viên trong quá trình nghiên cứu, học tập tại trường. Giảng viên gợi mở cho học viên tiếp cận sớm cách viết bài báo khoa học trên cơ sở thực hiện các chuyên đề của các học phần trong chương trình đào tạo, đảm bảo quá trình đào tạo SDH phải gắn liền với nghiên cứu khoa học, tận dụng các kết quả nghiên cứu vào hoạt động thực tiễn giảng dạy. Đối với bậc SDH thì vấn đề đặt ra không phải học cái gì, bởi lẽ khối lượng kiến thức của nhân loại tích lũy được cho đến nay quá đồ sộ, vì vậy dù có tổ chức dạy và học khoảng 20 chuyên đề hay nhiều hơn nữa thì cũng không thể bao trùm lên khối kiến thức đó (Đặng Trung Thuận, 2005). Bên cạnh đó, trong hoạt động chuyên môn, đội ngũ giảng viên của bộ môn cần tạo sự kết nối với các cán bộ quản lý bên ngoài, học viên đã ra trường để nắm bắt những vấn đề thực tiễn, hỗ trợ cho các học viên mới chọn hướng nghiên cứu ngay từ khi nhập học, có thể phân công giảng viên định hướng nghiên cứu cho học viên, khuyến khích người học tham gia với giảng viên nghiên cứu khoa học, tham

gia hội thảo. Đây cũng chính là một phần giúp cơ sở đào tạo quản lý tốt học viên.

Thứ ba là, Hỗ trợ học viên tiếp cận môi trường nghiên cứu

Các cơ sở đào tạo SDH cần xây dựng một chu trình mở, liên thông giữa học viên, nghiên cứu sinh với đội ngũ giảng viên và người sử dụng lao động ở mọi nơi, mọi thời điểm với mục tiêu duy nhất là đảm bảo chất lượng cho trường, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và tạo được sự đam mê nghiên cứu khoa học (Vũ Ngọc Hải, 2005).

Cơ sở đào tạo SDH thiết lập được đội ngũ tư vấn nghiên cứu khoa học chuyên ngành, mỗi bộ môn nên bố trí từ 1 đến 2 giảng viên có kinh nghiệm thường xuyên tiếp xúc với từng người học để đánh giá đúng mặt mạnh, mặt yếu về chuyên môn để định hướng nghiên cứu ngay từ năm đầu. Nhiệm vụ chính là giới thiệu tổng quan về thành quả nghiên cứu chuyên ngành thời gian qua, đánh giá đúng thực lực và đánh thức tiềm năng nghiên cứu khoa học của học viên, đồng thời gợi ý được một số đề tài có tính sáng tạo, mang tính thời sự và giới thiệu người hướng dẫn thích hợp (Đặng Trung Thuận, 2005).

Thứ tư là, Tạo động lực nghiên cứu cho học viên

Đào tạo SDH không chỉ là việc trang bị tri thức cho người học mà còn là dạy phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề, phương pháp tự học. Phương pháp dạy, cách đánh giá của giảng viên ảnh hưởng rất lớn đến cách học của học viên. Phương pháp giảng dạy tích cực sẽ giúp cho học viên xây dựng được phong cách làm việc khoa học, chủ động tìm tri thức và suy luận. Nếu không, học viên sẽ bị động nghe giảng và tiếp thu kiến thức một cách thụ động, hiệu quả không cao. Trong đào tạo SDH,

tốt nhất là dạy và học theo phương pháp tự duy, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, tổng quan hơn đó là phương pháp luận khoa học (Đặng Trung Thuận, 2005; Nguyễn Thị Tĩnh, 2005).

Khi xây dựng chương trình đào tạo SDH cần hạn chế tiết giảng lý thuyết, tăng dần số tiết thực hành, tự nghiên cứu để tạo tính chủ động cho học viên, tăng cường áp dụng hình thức viết tiểu luận, khuyến khích học viên chủ động trong việc tìm kiếm tài liệu, dành nhiều thời gian để đọc tài liệu, giúp nâng cao kỹ năng tư duy, cách làm việc độc lập, khoa học. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo SDH đòi hỏi phải mang tính mở, thống nhất về nội dung và có mối quan hệ mật thiết với các vấn đề mà xã hội quan tâm. Đặc biệt là đặt trọng tâm vào mối quan hệ và hợp tác làm việc giữa người thiết kế chương trình với nhu cầu của người học (Lê Thị Thanh Thủy, 2018). Khi giảng dạy, giảng viên cần tập trung vào phát triển khả năng tư duy của người học và giúp cho người học biết cách thể hiện văn phong khoa học, tạo động lực trong nghiên cứu và tích cực cống hiến cho xã hội sau khi tốt nghiệp.

Kết quả của hoạt động đào tạo bao giờ cũng là một kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố. Do vậy, điều tiên quyết đến chất lượng đào tạo SDH có thể xem xét trên nhiều bình diện, về phía người học, người dạy, nhà quản lý, trên phương diện vật chất cũng như tinh thần, về cơ chế chính sách cũng như việc thực thi trong thực tế... Cho nên, yếu tố quyết định trong đào tạo vẫn người học, vì người học được chọn làm trung tâm, suy cho cùng chất lượng đào tạo SDH được quyết định bởi yếu tố động lực của người học, khi mà người học chủ động huy động hết mọi khả năng hiện có vào việc học tập sẽ mang lại những kết quả mong muốn (Trần Xuân Diệp, 2005).

Thứ năm là, Thiết lập và duy trì mối liên kết với các bên liên quan

Khi tổ chức nghiên cứu khoa học cần lập nên các nhóm và cố gắng huy động sức mạnh tổng hợp của nhiều chuyên gia, bởi vì nghiên cứu khoa học mang tính liên ngành rất cao. Vấn đề cần quan tâm là sự nhiệt tình, trách nhiệm và phối hợp tích cực trong nghiên cứu khoa học. Trách nhiệm của nhóm nghiên cứu là nên lôi cuốn càng nhiều người học tham gia vào đề tài, qua đó giúp đỡ họ học hỏi kinh nghiệm và thực tế để nâng cao trình độ. Đó chính là chữ tâm của những nhà khoa học trong việc đào tạo thế hệ kế tục.

Nhiệm vụ thành lập nhóm nghiên cứu thuộc về giảng viên trong trường, kết nối với các thế hệ tiếp nối nhau để bền bỉ theo đuổi một hướng nghiên cứu đã định, đặc biệt là có sự liên kết giữa cơ sở đào tạo với các đơn vị bên ngoài (đơn vị sử dụng lao động, học viên đã ra trường, cộng đồng, địa phương) để nắm bắt thông tin, tư liệu, nhu cầu ngoài xã hội, những vấn đề mang tính cấp thiết đang diễn ra, mang tính thời sự cần có sự đóng góp chất xám của các nhà nghiên cứu, cũng như có nhiều gợi mở, định hướng cho học viên chọn được các đề tài nghiên cứu phù hợp với yêu cầu của xã hội. Kết quả nghiên cứu sẽ mang lại nhiều lợi ích, trước hết là trí tuệ, kiến thức, lòng say mê nghiên cứu khoa học. Đặc biệt là tập hợp được tập thể khoa học đồng tâm nhất trí (Trương Quang Học, 2008). Một khía cạnh quan trọng nữa là duy trì các buổi sinh hoạt tập thể nhóm nghiên cứu, tập trung vào sinh hoạt học thuật, giúp tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, sự chia sẻ, gắn bó, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cá nhân, cũng như cơ sở đào tạo. Ngoài các tập thể nhóm chuyên môn, cần có sự liên kết từ bộ môn, liên bộ môn, liên khoa, các viện và trung tâm, tạo nên hệ thống nghiên cứu khoa học vững mạnh.

6. Kết luận

Hiệu quả đào tạo SDH luôn là yếu tố sống còn của các cơ sở đào tạo. Ngày nay, hiệu quả đào tạo còn là “thương hiệu” của cơ sở đào tạo. Khi đó, việc nâng cao chất lượng đào tạo SDH chính là quá trình đào tạo những nhà khoa học, cán bộ lãnh đạo, quản lý, quản trị có trình độ cao về lý luận và năng lực thực tiễn, có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề mới đặt ra trong thực tiễn quản lý. Kết quả cuối cùng là tạo ra những sản phẩm chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại. Chính vì thế, các trường cần chăm lo không ngừng, xác định đúng vai trò và vị trí của đào tạo SDH, cũng như tác động đồng bộ liên tục đối với các yếu tố bên trong và bên ngoài trường để nâng cao hiệu quả đào tạo SDH. Với những nỗ lực đó, công tác đào tạo SDH sẽ có thêm nhiều kết quả mới, chất lượng đào tạo được nâng lên, trở thành một trong những cơ sở đào tạo SDH trọng điểm của cả nước, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của thị trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Văn Cường, 2013. Về mô hình tổ chức quản lý đào tạo sau đại học ở nước ta. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 18, trang 6-8.
- [2] Hoàng Văn Cường, 2011. Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 137, trang 23-27.
- [3] Trần Xuân Điệp, 2005. Yếu tố động lực trong đào tạo sau đại học. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học”*, 2005, trang 42-48.
- [4] Đỗ Minh Đức và Đỗ Thanh Hoàng, 2017. Đào tạo sau đại học ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4(113)-2017, trang 82-92.

- [5] Vũ Ngọc Hải, 2005. Về xây dựng chuẩn chất lượng đào tạo trình độ sau đại học. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học”*, 2005, trang 17-21.
- [6] Trần Quang Học, 2008. Nhóm nghiên cứu – Yếu tố quyết định chất lượng nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học. *Tạp chí Hoạt động Khoa học*, số 10.2008, trang 21-24.
- [7] Lê Kim Long và Phạm Minh Trí, 2009. Ứng dụng cách tiếp cận năng lực chung – Một phương pháp mới xác định danh mục năng lực cần thiết đối với chuyên viên ngân hàng. *Tạp chí Ngân hàng*, 2012.
- [8] Nguyễn Thiện Phúc, 2012. Vài vấn đề về đào tạo sau đại học ở nước ta. *Tạp chí Hoạt động Khoa học*, số 4, trang 52–54.
- [9] Vũ Trọng Rỹ, 2020. Quan niệm về chất lượng và hiệu quả giáo dục. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia “Giáo dục phát triển toàn diện – Thực trạng và giải pháp xét từ bình diện Tâm lý học và Giáo dục học”*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020, trang 22-35.
- [10] Đặng Trung Thuận, 2005. Mối quan hệ giữa đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học. *Kỷ yếu Hội nghị: Nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo định hướng xây dựng Đại học nghiên cứu tiên tiến*, số 1, trang 53.56.
- [11] Lê Thị Thanh Thủy, 2018. Chương trình đào tạo sau đại học tại Vương quốc Anh và bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, số 42.2018, trang 113-125.
- [12] Nguyễn Thị Tĩnh, 2005. Một số đề xuất để nâng cao chất lượng đào tạo. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học”*, 2005, trang 69-72.
- [13] Trần Thị Bích Trà, 2007. Thực trạng quản lý đào tạo thạc sĩ tại một số cơ sở đào tạo sau đại học. *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 24(9/2007), trang 51-54.
- [14] Phan Thị Hồng Vinh, 2005. Đánh giá chương trình đào tạo – Biện pháp nâng cao chất lượng dạy học cho học viên cao học. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học”*, 2005, trang 54-57.